

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày 15/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thế Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Sông.
2. Ông Đỗ Hùng Cường. Nghề nghiệp: Phó Bí thư Thành Đoàn H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử kín vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 28/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

LÙ VĂN T; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 26/11/2000 tại: huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Tr, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lù Văn S, sinh năm: 1981; Con bà: Vàng Thị C, sinh năm 1986; anh, chị, em ruột: có 03 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình. Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/3/2022; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Trà M, sinh ngày: 21/5/2008. Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn M1, huyện M2, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn M1, huyện M2, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Vương Thị Minh H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ 03, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Hoàng H2. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Ông Hoàng H3. Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Y, huyện Y1, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Đinh Tiến D. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/02/2022 Lù Văn T đến thành phố H làm thuê cho anh Nguyễn Văn. Đến chiều ngày 25/02/2022, khi đang thi công sân Nhà văn hoá cho tổ dân phố 03, phường M, thành phố H, do thiếu vật liệu xây dựng nên anh Ph đưa cho T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và chìa khoá xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 29Z1 - 165.41 (*Là xe của anh Ph*) để đi mua vật liệu. Sau khi mua vật liệu về T không giao lại chìa khoá xe cho anh Ph. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T tự ý điều khiển xe mô tô với mục đích đi chơi. Khi T đi đến khu vực ngã ba đường N giao nhau với đường 19/5 thuộc tổ 11, phường N1, thành phố H, T nhìn thấy một vụ va chạm giao thông, T dừng xe nhìn thấy có một người đàn ông đang nằm bất tỉnh dưới đường. Lúc này, T nhìn xung quanh thấy Hoàng H2 và Nguyễn Trà M đang đứng gần khu vực vụ va chạm giao thông, T đoán là hai người gây tai nạn. T nhìn thấy H2 tiến đến vị trí chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn đen, biển kiểm soát: 23AA - 074.93 dựng xe và điều khiển xe chở M bỏ đi theo hướng bên xe khách thành phố H. Sau khi H2 và M đi, T thấy có hai xe mô tô đuổi theo (*Chưa xác định được người và phương tiện*). Đi được khoảng 200m, H2 và M bị hai xe mô tô đuổi phía sau chặn lại yêu cầu quay lại hiện trường vụ tai nạn. H2 chở M quay lại hiện trường, dựng xe lại. Lúc này, T đến gần nói với H2 và M “*Đi vào viện xem người ta thế nào*”, mục đích của T bảo H2 và M đi khỏi hiện trường, cả hai đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở M ngồi giữa và H2 ngồi phía sau đi theo hướng Hà Giang - Hà Nội. Đến Km 5 (*Khu vực Cổng chào thành phố H*), H2 nói với T đã gọi điện thoại báo cho gia đình biết và yêu cầu T quay lại, T đồng ý và quay đầu xe đi về hướng trung tâm Thành phố. Đến khu vực bên xe khách, T dừng xe bảo H2 và M đi vào quán ăn đêm (*Không xác định được quán*). Tại quán ăn, T gọi ba bát bún và một chai rượu bắt M và H2 uống, do sợ nên M đã uống 03 (*Ba*) chén rượu, còn H2 không uống. Ăn

xong, T điều khiển xe mô tô chở H2 và M đi đến bệnh viện Đức Minh, khi đi qua khu vực cây xăng Cầu Mè thuộc phường N1, thành phố H do đã sử dụng rượu T nảy sinh ý định quan hệ tình dục đối với M. Đến cổng bệnh viện Đức Minh, T bảo H2 xuống xe và nói “*Cứ xem thuốc men thế nào, tỷ quay lại đón*”. Lúc này, M chưa kịp xuống thì T điều khiển xe đi. Sau khi T đưa M đi, H2 vào viện để hỏi thăm người đàn ông bị tai nạn nhưng không được vào nên H2 đi ra phía ngoài cổng bệnh viện đứng đợi. Khoảng 15 phút sau, không thấy T quay lại đón, H2 gọi điện cho Đào Hải N đến đón H2 về nhà nghỉ Thủy Linh thuộc thôn C, xã P, thành phố H để tìm M nhưng không thấy. Lúc này, H2 gặp một người đàn ông (*Chưa xác định được nhân thân, lai lịch*), H2 nói “*chú đi tìm M à*”; người đàn ông này nói “*Đúng rồi*”; H2 nói lại chuyện M bị T đưa đi. Sau đó, H cùng người đàn ông này đến Công an phường N để trình báo sự việc M bị T đưa đi hiện chưa xác định được đi đâu. Do cầm điện thoại của M từ trước nên H2 chủ động gọi và nói chuyện với anh Nguyễn Văn Ch về việc T đưa M đi và cung cấp biển số xe mô tô T đang điều khiển cho anh Ch biết. Nhận thông tin do H2 cung cấp, anh Ch và Đinh Tiến D điều khiển xe ô tô đi từ huyện Y1 đến thành phố H với mục đích tìm Nguyễn Trà M.

Sau khi H2 xuống xe, T điều khiển xe đi vòng quanh khu vực quảng trường 26/3, rồi theo hướng Hà Giang - Đồng Văn, trong quá trình đi M nhiều lần yêu cầu T đưa quay lại chỗ H2. Khi đến khu vực tổ 06, phường Q, thành phố H, T quan sát thấy không có đèn chiếu sáng dọc đường, ít nhà cửa, không có người đi lại nên dừng xe ven đường, ngồi trên xe và có lời nói đe dọa đối với M “*Bây giờ một là anh hiếp em, hai là anh bán em sang Trung Quốc*”; M nói “*Đừng mà anh*”. Do đã sử dụng rượu T xuống xe cầm vào tay của M (*Không xác định được tay nào*) kéo vào phía trong bụi cỏ ven đường cách mép đường 03 mét, bị T kéo tay M giằng tay lại nhưng không được. T đứng đối diện với M mặt quay ra phía đường, T đưa tay sờ vào ngực và âm đạo của M thì M lùi lại phía sau với mục đích không để T sờ vào người, thấy vậy T dùng hai tay tiến đến gần đẩy vào vai làm M ngã ngửa xuống đất trong tư thế ngồi. T dùng toàn thân nằm đè lên người của M đầu hướng về đường Nguyễn Văn Linh, chân hướng về phía bờ sông, T dùng miệng hôn vào miệng của M nhưng không được. T tiếp tục dùng tay sờ vào ngực của M qua lớp áo phía ngoài. Bị T nằm đè lên người M dùng tay đẩy T ra nhưng không được. Khoảng 01 phút sau, T đứng dậy cởi hết quần áo đang mặc để xuống đất, thấy T cởi quần M đứng dậy bỏ chạy thì bị T giữ lại, đẩy ngã ngửa xuống đất. T tiếp tục nằm đè lên người của M và dùng tay luồn qua cổ áo sờ vào ngực của M, tay còn lại T cởi quần của M đến đầu gối để lộ ra vùng âm đạo thì dừng lại và dùng tay cởi áo của M nhưng do M giữ lại nên không cởi được. Lúc này, T quỳ hai đầu gối vào giữa hai chân của M để đẩy M dạng chân ra làm chiếc quần của M tụt xuống và dạng chân sang hai bên. Khi M đã dạng chân ra, T chống hai tay xuống đất ngang vai của M, lúc này hai chân đang trong tư thế quỳ, T đưa dương vật đang cương cứng vào lỗ âm đạo của M rồi dùng phần thân và mông của mình nâng lên hạ xuống nhiều lần. Khoảng 20 phút sau T xuất tinh vào bên trong âm đạo của M nhưng vẫn nằm đè trên người M. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 26/02/2022, khi đi qua khu vực tổ 6, phường Q, thành phố H anh Ch nhìn thấy chiếc xe mô tô có đặc điểm giống như

H cung cấp đang dựng ở mép đường, đầu xe hướng về UBND phường Q. Do nghi ngờ nên anh Ch bảo D dừng xe sát mép đường, lúc này anh Ch xuống xe kiểm tra xung quanh phát hiện có tiếng người phía trong bụi cây, anh Ch dùng điện thoại bật đèn và tiến đến vị trí có tiếng người. T nghe thấy xe ô tô đỗ phía ngoài đường và có tiếng bước chân đang tiến vào vị trí của T và M đang nằm, T rút dương vật ra khỏi âm đạo của M và ngồi sang bên cạnh. Lúc này, anh Ch soi đèn nhìn thấy Lù Văn T trên người không mặc quần áo ngồi bên cạnh và Nguyễn Trà M đang nằm dưới đất, anh Ch gọi tên M, do có người soi đèn nên T đứng dậy cầm quần áo bỏ chạy xuống phía dưới bờ sông Miện mặc quần áo và bơi sang bờ bên kia, để xe mô tô lại hiện trường (*Không xác định được chìa khóa xe để ở đâu*). Anh Ch đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, anh Ch đã trình báo cơ quan Công an. Đến buổi sáng cùng ngày, T đi về nhà tại thôn M, xã Tr, huyện X, tỉnh Hà Giang. Ngày 01/3/2022 nhận thấy hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật T đã đến Công an, xã Tr, huyện X, tỉnh Hà Giang để đầu thú về hành vi của bản thân.

Tại bản kết luận giám định pháp y tình dục số 03/2022/TDTE ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận:

- Bộ phận sinh dục: Màng trinh rách cũ vị trí 03 giờ và 08 giờ.
- Xét nghiệm máu: HIV, HCV, HbsAg: Âm tính.
- Xét nghiệm giải phẫu bệnh: Không có tinh trùng trong dịch âm đạo.
- Siêu âm thai: Hiện tại không có thai.
- Cạnh núm vú phải có 01 vết xây sát da, đang đóng vảy, kích thước 0,2 cm.
- Ngoài ra, các bộ phận khác không thấy tổn thương.

Tại bản kết luận giám định số 1340/KL-KTHS ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Trong mẫu ghi dịch âm đạo của Nguyễn Trà M (ký hiệu M) có tinh trùng người và là tinh trùng của Lù Văn T (ký hiệu A).

Phần kết luận tại Bản kết luận giám định pháp y số 03/2022/TDTE ngày 09/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận “*Không có tinh trùng trong dịch âm đạo*”, sau đó Bản kết luận giám định số 1340/KL-KTHS ngày 31/3/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận “*Trong mẫu ghi dịch âm đạo của Nguyễn Trà M (ký hiệu M) có tinh trùng người và là tinh trùng của Lù Văn T (ký hiệu A)*”. Ngày 18/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tiến hành làm việc với Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, lý do không tìm thấy tinh trùng trong âm đạo của Nguyễn Trà M là do: 1. Có thể số lượng tinh trùng trong âm đạo rất ít nên khi dán tiêu bản không vào vị trí tinh trùng; 2. Do kỹ thuật nhuộm soi tiêu bản có sự khác nhau. Do đó, nội dung các kết luận giám định phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo Lù Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lù Văn T về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lù Văn T phạm tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi theo điểm a khoản 1 Điều 142 BLHS.

1. Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 142, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 07 đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 02/3/2022.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo Lù Văn T bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý theo quy định.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

Trong phần tranh luận:

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với Cáo trạng, bản luận tội và đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật áp dụng, việc miễn án phí và xử lý vật chứng đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do nhận thức, với điều kiện cuộc sống không có nghề nghiệp ổn định nên dẫn tới phạm tội, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo mức án thấp nhất khi quyết định hình phạt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Không có ý kiến tranh luận.

Trong phần tranh luận bị cáo nhất trí lời bào chữa của người bào chữa, không tham gia tranh luận gì thêm.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo rất hối hận và ăn năn về hành vi của mình. Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã sai và vi phạm pháp luật, bị cáo bị xử lý là thỏa đáng. Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các

hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và quá trình xét xử. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo Lù Văn T hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; sơ đồ hiện trường; bản ảnh xác định hiện trường; kết luận giám định pháp y tình dục số 03/2022/TDTE ngày 09/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang; kết luận giám định số 1340/KL-KTHS ngày 31/3/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 00 ngày 26/02/2022 tại khu vực tổ 6, phường Q, thành phố H bị cáo Lù Văn T đã dùng thủ đoạn như đe dọa, hứa hẹn lợi ích vật chất để thực hiện hành vi hiếp dâm đối với cháu Nguyễn Trà M 01 lần khi cháu M được 13 tuổi 09 tháng 05 ngày.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ rằng trẻ em ở độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý, nên việc giao cấu với các em sẽ gây nguy hiểm đến sự phát triển bình thường của họ, bị cáo lợi dụng sự non nớt, nhẹ dạ và chưa hiểu biết của người bị hại để giao cấu với bị hại. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong xã hội nên cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tại điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái ý muốn của họ.

b) ...”

[6] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đến Công an xã để đầu thú về hành vi phạm tội sau khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường tổn hại về danh dự, nhân phẩm cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường tổn hại về danh dự, nhân phẩm là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường của bị hại, đồng thời đã tác động đến gia đình bồi thường số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000562 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Như vậy, bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng, do bị hại là người chưa thành niên nên cần giao số tiền bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn Ch (Bố đẻ của bị hại) nhận là phù hợp.

[12] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm trao trả cho bị hại Nguyễn Trà M số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000562 ngày 15/8/2022, do ông Nguyễn Văn Ch đại diện nhận.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội và vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) chai nhựa màu trắng, bên ngoài có dán nhãn mác ABLUE loại chai 500ml, bên trong chai có 2/3 chất lỏng màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc áo phông không cổ, dài tay màu đen, tại vị trí ngực bên trái có biểu tượng hình chữ A và dòng chữ CREATIVE, đã qua sử dụng; 01 (một) bao thuốc lá nhãn hiệu THĂNG LONG, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc dép bên phải, bằng nhựa màu hồng, phía trên quai dép có dòng chữ màu đen BALENCIAGA, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu xanh, phần quai dép có nhiều lỗ và chữ VIP mũi dép bị cắt một phần, đã qua sử dụng; 01 (một) mũ bảo hiểm, màu hồng, phía trước mũ có chữ PCL SPORT, đã qua sử dụng.

[14] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 142, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 48, Điều 50 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Văn T phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (Ngày 02/3/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lù Văn T có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm cho người bị hại Nguyễn Trà M số tiền là 10.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000562 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng, do người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn Ch nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm trao trả cho bị hại Nguyễn Trà M số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000562 ngày 15/8/2022, do ông Nguyễn Văn Ch đại diện nhận.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chai nhựa màu trắng, bên ngoài có dán nhãn mác ABLUE loại chai 500ml, bên trong chai có 2/3 chất lỏng màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc áo phông không cổ, dài tay màu đen, tại vị trí ngực bên trái có biểu tượng hình chữ A và dòng chữ CREATIVE, đã qua sử dụng; 01 (Một) bao thuốc lá nhãn hiệu THĂNG LONG, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc dép bên phải, bằng nhựa màu hồng, phía trên quai dép có dòng chữ màu đen BALENCIAGA, đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi dép bằng nhựa màu xanh, phần quai dép có nhiều lỗ và chữ VIP mũi dép bị cắt một phần, đã qua sử dụng; 01 (Một) mũ bảo hiểm, màu hồng, phía trước mũ có chữ PCL SPORT, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H ngày 20/7/2022).

5. Về án phí: Bị cáo Lù Văn T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- CQ CSĐT Công an TP H;
- CQ THAHS Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thế Chiến